

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản
và cung cấp dữ liệu môi trường***Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;**Căn cứ Luật Lưu trữ năm 2011;**Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;**Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường.

2. Thông tư này không điều chỉnh về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu đối với sinh vật biến đổi gen và dữ liệu quan trắc môi trường.

3. Dữ liệu môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo các quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường.

Chương II

GIAO NỘP, THU NHẬN DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Dữ liệu môi trường

1. Dữ liệu môi trường bao gồm:

- a) Kết quả điều tra, khảo sát, thanh tra, kiểm tra về môi trường;
- b) Kết quả của các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về môi trường;
- c) Kết quả của chương trình mục tiêu quốc gia; sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- d) Kết quả hoạt động của các dự án hợp tác quốc tế về môi trường;
- đ) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp (quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương);
- e) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;
- g) Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;
- h) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- i) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;
- k) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
- l) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- m) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;
- n) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

o) Kết quả về xử lý chất thải, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

p) Kết quả về đào tạo và truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở dữ liệu môi trường là tập hợp dữ liệu môi trường quy định tại khoản 1 Điều này đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia do Tổng cục Môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường lưu trữ và quản lý;

b) Cơ sở dữ liệu môi trường ngành do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lưu trữ và quản lý;

c) Cơ sở dữ liệu môi trường địa phương do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) lưu trữ, quản lý.

Điều 4. Giao nộp dữ liệu môi trường

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước), trong thời hạn (03) tháng, kể từ ngày nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp một (01) bộ dữ liệu môi trường quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này (dạng giấy và dạng số) cho cơ quan quản lý dữ liệu môi trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Dữ liệu môi trường giao nộp phải có nguồn gốc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

Điều 5. Cơ quan quản lý dữ liệu môi trường

1. Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường thuộc Tổng cục Môi trường thực hiện nhiệm vụ:

a) Thu nhận dữ liệu môi trường quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện;

b) Thu nhận dữ liệu môi trường do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

c) Lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường theo quy định;

d) Giúp Tổng cục Môi trường hướng dẫn, kiểm tra về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường quy định tại Thông tư này; xây dựng báo cáo thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường do các Bộ,

cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia;

đ) Hàng năm, rà soát dữ liệu môi trường và báo cáo Tổng cục Môi trường trình Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ giao đơn vị làm đầu mối quản lý dữ liệu môi trường ngành và có văn bản thông báo gửi đến Tổng cục Môi trường để biết, phối hợp thực hiện. Cơ quan đầu mối thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thu nhận dữ liệu môi trường ngành quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với tổ chức, cá nhân thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ thực hiện;

b) Tổ chức lưu trữ, bảo quản, sử dụng, cung cấp dữ liệu môi trường thuộc lĩnh vực, ngành quản lý;

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường do đơn vị mình quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Môi trường) để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ:

a) Thu nhận dữ liệu môi trường địa phương quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với tổ chức, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện;

b) Tổ chức lưu trữ, bảo quản, sử dụng, cung cấp dữ liệu môi trường của địa phương;

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường do địa phương quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (thông qua Tổng cục Môi trường) để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này.

Điều 6. Thu nhận dữ liệu môi trường

1. Tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu môi trường (sau đây gọi tắt là bên giao nộp) gửi thông báo giao nộp dữ liệu môi trường tới cơ quan quản lý dữ liệu môi trường quy định tại Điều 5 Thông tư này (sau đây gọi tắt là bên thu nhận).

2. Sau khi nhận được thông báo giao nộp dữ liệu môi trường, bên thu nhận lập kế hoạch chi tiết cho việc tiếp nhận dữ liệu môi trường thông báo cho bên

giao nộp, kế hoạch bao gồm các nội dung: thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận, kho bảo quản, thiết bị và phương tiện tiếp nhận và các nội dung khác có liên quan.

3. Bên giao nộp lập Hồ sơ giao nộp dữ liệu môi trường gửi bên thu nhận. Hồ sơ gồm:

a) Các loại dữ liệu môi trường giao nộp là bản chính tài liệu (có nguồn gốc được xác nhận chính thức) và là sản phẩm cuối cùng của dự án, nhiệm vụ, đề tài;

b) Một (01) Báo cáo tóm tắt về dữ liệu môi trường giao nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư này;

c) Một (01) bản sao Hồ sơ nghiệm thu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

d) Một (01) Bảng thống kê Danh mục dữ liệu môi trường giao nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 Thông tư này.

4. Bên thu nhận kiểm tra đối soát danh mục, khối lượng dữ liệu và lập Giấy biên nhận giao nộp dữ liệu môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư này chuyển cho bên giao nộp.

5. Bên thu nhận tiến hành kiểm tra dữ liệu môi trường giao nộp và lập Phiếu ghi ý kiến kiểm tra dữ liệu môi trường giao nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 Thông tư này. Nội dung kiểm tra dữ liệu môi trường giao nộp:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các dữ liệu giao nộp theo kết quả đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận, thông qua;

b) Kiểm tra tính thống nhất của dữ liệu ở dạng tài liệu in trên giấy với dữ liệu ở dạng điện tử;

c) Kiểm tra về hình thức, quy cách các loại dữ liệu giao nộp.

Trường hợp dữ liệu giao nộp chưa đạt yêu cầu theo quy định, Phiếu ghi ý kiến kiểm tra dữ liệu môi trường giao nộp phải nêu rõ các yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện. Trường hợp không thống nhất giữa bên giao nộp và bên thu nhận, cơ quan thu nhận dữ liệu môi trường có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

6. Trong thời hạn tối đa (10) mười ngày làm việc, kể từ ngày thu nhận dữ liệu môi trường, bên thu nhận dữ liệu môi trường hoàn thành việc kiểm tra theo nội dung kiểm tra quy định tại khoản 5 Điều này và cấp Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu môi trường cho tổ chức, cá nhân đã giao nộp dữ liệu. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận, cơ quan thu nhận dữ liệu có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Mẫu Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư này.